

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 23/5/2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 4 và ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Chính N**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Tổ , khóm , thị trấn , huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Chính N là anh Nguyễn Quốc Vĩnh, sinh năm 1990; địa chỉ: số , đường , khóm , thị trấn , huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn:

1/ Chị **Võ Thị Hồng H**, sinh năm: 1987;

2/ Anh **Phan Tấn N**, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: số , đường , Tổ , phường , thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Anh Vĩnh có mặt, chị H, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2023, 8/10/2023, 26/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn Nguyễn Chính N, đại diện của nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc Vĩnh trình bày:

Ngày 12/04/2023, anh Nguyễn Chính N cho chị Võ Thị Hồng H, anh

Phan Tấn N vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, hạn 15 ngày sau sẽ hoàn trả lại, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Vì chỗ quen biết nên anh N cho chị H, anh Ngà vay. Nhưng anh N không có tiền mặt nên chị H yêu cầu anh N chuyển khoản đến số tài khoản 0939584642 của Ngân hàng Quân đội, chủ tài khoản là chị Võ Thị Hồng H. Anh N đã chuyển tiền xong, chị H ghi cho anh N tờ giấy gọi là biên nhận nhận tiền.

Đến ngày 27/4/2023, ông N có liên hệ với chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn Ngà yêu cầu trả số tiền nêu trên. Nhưng chị H và anh Ngà không thực hiện.

Lý do biên nhận chỉ có chữ ký của chị H vì tin tưởng nên không yêu cầu anh Ngà ký tên vào. Nhưng việc chị H vay tiền anh Ngà biết và số tiền vay này trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Ngà.

Nay anh Nguyễn Chính N yêu cầu chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn Ngà trả số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tính lãi từ ngày 12/4/2023 đến ngày 12/7/2023 là 03 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi là 2.490.000 đồng. Tổng cộng vốn vay và lãi là 2.490.000 đồng. Anh N yêu cầu tiếp tục tính lãi với số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 12/4/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N yêu cầu tính lãi từ ngày 12/4/2023 đến ngày 12/5/2024 (13 tháng), lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi là 10.790.000 đồng (nhưng anh N chỉ yêu cầu tiền lãi là 10.000.000 đồng). Như vậy anh N yêu cầu chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn Ngà trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng vốn vay và lãi là 110.000.000 đồng. Anh N yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền vốn vay kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

2. Trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Võ Thị Hồng H trình bày: Anh Ngà và chị H là vợ chồng. Chị H thống nhất nội dung và chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận ngày 12/4/2023 và Sổ phụ chi tiết kiểm soát nợ/báo có từ ngày 12/04/2023 đến ngày 12/04/2023 của ngân hàng TMCP Quân đội do anh Nguyễn Chính N cung cấp. Chị H xác định anh Ngà biết chị vay tiền của anh N, tiền này vay trong thời kỳ hôn nhân và sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Chị H thống nhất trả số tiền vay trả số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho anh N và nếu anh N yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay thì chị H đồng ý trả tiền lãi cho anh N với lãi suất là 0,83%/tháng.

Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

3. Bị đơn anh Phan Tấn Ngà trình bày: Anh Ngà và chị H là vợ chồng, anh Ngà thống nhất nội dung và chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận ngày 12/4/2023 và Sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có từ ngày 12/04/2023 đến ngày 12/04/2023 của ngân hàng TMCP Quân đội do anh Nguyễn Chính N cung cấp, anh Ngà thừa nhận chị H có vay của anh N 100.000.000 đồng, nhưng anh Ngà không có ký tên vào biên nhận ngày 12/4/2023 vì anh không biết việc chị H vay tiền của anh N nên anh Ngà không đồng ý liên đới với chị H trả tiền cho anh N. Ngoài ra, anh Ngà không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Chính N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn Võ Thị Hồng H và Phan Tấn Ngà địa chỉ tại số 1, đường Phạm Thị Uẩn, Tổ 31, phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phan Tấn Ngà, chị Võ Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 12/04/2023, anh Nguyễn Chính N cho chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn N vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, hạn 15 ngày sau sẽ hoàn trả lại, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Vì chỗ quen biết nên anh N cho chị H, anh Ngà vay. Nhưng anh N không có tiền mặt nên chị H yêu cầu anh N chuyển khoản đến số tài khoản 0939584642 của Ngân hàng Quân đội, chủ tài khoản là chị Võ Thị Hồng H. Anh N đã chuyển tiền xong, chị H ghi cho anh N tờ giấy gọi là biên nhận nhận tiền. Nay anh Nguyễn Chính N yêu cầu chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn N trả số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Phía chị H, anh Ngà thống nhất chị H có vay tiền của anh N chị H đồng ý liên đới với anh Ngà trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.00.000 đồng vì chị H xác định anh Ngà biết chị vay tiền của anh N, tiền này vay trong thời kỳ hôn kỳ hôn nhân và sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Nhưng anh Ngà không đồng ý liên đới trả vì anh cho rằng số tiền vay này là cá nhân chị H vay, không liên quan đến anh Ngà. Ngoài lời trình bày thì anh Ngà không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[3] Số tiền vay: Các đương sự thống nhất thừa nhận nội dung và chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận ngày 12/4/2023 và Sổ phụ chi tiết kiệm

báo nợ/báo có từ ngày 12/04/2023 đến ngày 12/04/2023 của ngân hàng TMCP Quân đội do anh Nguyễn Chính N cung cấp. Do đó, nội dung được thể hiện trong các văn bản trên là có thật và đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N yêu cầu chị H, anh Ngà N vụ liên đới trả nợ. Anh N cho rằng không biết, không liên quan nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho lời phản bác này và chưa phù hợp với lời trình bày của phía H nên lời phản bác không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là nợ chung của hai vợ chồng nên chị H, anh Ngà phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Như vậy, chị H, anh N có vay của anh N số tiền 100.000.000 đồng, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên chị H, anh Ngà phải có trách nhiệm trả cho anh N số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét tiền lãi: Tại phiên tòa, anh N yêu cầu chị H, anh N phải có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày 12/4/2023 đến ngày 12/5/2024, lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi là 10.790.000 đồng (nhưng anh N chỉ yêu cầu tiền lãi là 10.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn vay kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho chị H, anh Ngà và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N nên chị H, anh Ngà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 227 và Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 357, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chính N.

Buộc chị Võ Thị Hồng H, anh Phan Tấn N có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Chính N số tiền vay vốn là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng theo biên nhận ngày 12/4/2023 và số tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng vốn vay và lãi là 110.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Thị Hồng H và anh Phan Tấn N phải chịu 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Chính N được nhận tiền tạm ứng án phí là 2.562.000 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000131 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Mai